TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 22/12/2021.
V/v *"Tranh chấp ly hôn và con chung".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Ứng Cương.**

Ông **Vũ Văn Hợp.**

***Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa*:** Bà **Phan Thị Quyên** - Thư ký TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham phiên tòa: Ông **Huỳnh Tấn Lực** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 368/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị L**, sinh năm 1974.

* Bị đơn: Anh **Lưu Quốc K**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp V Th A, xã VH H, huyện Ch Th, tỉnh KG.

(Chị L có mặt tại phiên tòa; Anh K có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày như sau:

Về hôn nhân: Năm 1993 chị và anh K tự tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 02 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng cho đến nay vẫn không thể dung hòa được

cuộc sống gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị có 02 con chung tên Lưu Thị Bé Th, sinh ngày 10/9/1994 và Lưu Quốc V, sinh ngày 18/01/2004. Cháu Th đã trưởng thành, đã lập gia đình, không có nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn cháu Lưu Quốc V hiện đang sống chung với anh K. Tùy theo nguyện vọng của cháu V muốn sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng. Người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

**** Tại biên bản ghi lời khai ngày 6/11/2021 của bị đơn anh Lưu Quốc K trình bày như sau:***

Về hôn nhân: Năm 1993 anh và chị L tự tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh thường đi ghe cào không có ở nhà thì chị L tự ý dọn đồ đi ra ngoài ở trọ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị có 02 con chung tên Lưu Thị Bé Th, sinh ngày 10/9/1994 và Lưu Quốc V, sinh ngày 18/01/2004. Cháu Th đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn cháu Lưu Quốc V muốn sống với anh thì anh đồng ý nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác nhận vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa:

- Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử

(HĐXX) và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại tòa.

+ Về nội dung: Đối với hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị L. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L với anh K. Về con chung: Giao cháu V cho anh K nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Ngô Thị L thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Lưu Quốc K trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Châu Thành nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lưu Quốc K là bị đơn trong vụ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo chị L và anh K trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh chị thiết lập vào năm 1993. Anh chị thừa nhận anh chị đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án chị L, anh K có ý kiến đồng ý ly hôn . Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ vào các quy định Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị L với anh Lưu Quốc K.

- *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung tên Lưu Thị Bé Th, sinh ngày 10/9/1994 và Lưu Quốc V, sinh ngày 18/01/2004. Cháu Th đã trưởng thành, đã lập gia đình, không có nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với cháu Lưu Quốc V hiện nay đang sống cùng anh K. Xét thấy, tại biên bản ngày 05/11/2021 cháu V có ý kiến *"là muốn được sống chung với cha"* và tại biên

bản ngày 06/11/2021 anh K cũng có ý kiến *"nếu cháu V muốn sống cùng anh thì anh đồng ý nuôi dưỡng*". Tại đơn khởi kiện chị L có ý kiến *"Tùy theo nguyện vọng của cháu V muốn sống chung với chị hay anh K thì người đó nuôi dưỡng"* và tại phiên tòa hôm nay chị L có ý kiến: Cháu V có nguyện vọng muốn sống chung với anh K thì chị đồng ý giao cháu V cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lưu Quốc V cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Trong thời gian anh K nuôi dưỡng cháu V thì chị L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L, anh K xác nhận anh chị không có nên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị L phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232; khoản 2 Điều 227; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 8; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị L với anh Lưu Quốc K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lưu Quốc V, sinh ngày 18/01/2004 cho anh Lưu Quốc K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: 0001759, ngày 24/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (chị L đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **44**/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 22/12/2021.
V/v *"Tranh chấp ly hôn và con chung".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Ứng Cương.**

Ông **Vũ Văn Hợp.**

***Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa*:** Bà **Phan Thị Quyên** - Thư ký TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham phiên tòa: Ông **Huỳnh Tấn Lực** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 368/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị L**, sinh năm 1974.

* Bị đơn: Anh **Lưu Quốc K**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh Thành A, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị L có mặt tại phiên tòa; Anh K có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày như sau:

Về hôn nhân: Năm 1993 chị và anh K tự tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 02 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng cho đến nay vẫn không thể dung hòa được cuộc sống gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị có 02 con chung tên Lưu Thị Bé Thi, sinh ngày 10/9/1994 và Lưu Quốc V, sinh ngày 18/01/2004. Cháu Thi đã trưởng thành, đã lập gia đình, không có nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn cháu Lưu Quốc V hiện đang sống chung với anh K. Tùy theo nguyện vọng của cháu V muốn sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng. Người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

**** Tại biên bản ghi lời khai ngày 6/11/2021 của bị đơn anh Lưu Quốc K trình bày như sau:***

Về hôn nhân: Năm 1993 anh và chị L tự tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh thường đi ghe cào không có ở nhà thì chị L tự ý dọn đồ đi ra ngoài ở trọ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị có 02 con chung tên Lưu Thị Bé Thi, sinh ngày 10/9/1994 và Lưu Quốc V, sinh ngày 18/01/2004. Cháu Thi đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn cháu Lưu Quốc V muốn sống với anh thì anh đồng ý nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác nhận vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa:

- Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại tòa.

+ Về nội dung: Đối với hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị L. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L với anh K. Về con chung: Giao cháu V cho anh K nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Ngô Thị L thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Lưu Quốc K trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Châu Thành nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lưu Quốc K là bị đơn trong vụ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo chị L và anh K trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh chị thiết lập vào năm 1993. Anh chị thừa nhận anh chị đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án chị L, anh K có ý kiến đồng ý ly hôn . Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ vào các quy định Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị L với anh Lưu Quốc K.

- *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung tên Lưu Thị Bé Thi, sinh ngày 10/9/1994 và Lưu Quốc V, sinh ngày 18/01/2004. Cháu Thi đã trưởng thành, đã lập gia đình, không có nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với cháu Lưu Quốc V hiện nay đang sống cùng anh K. Xét thấy, tại biên bản ngày 05/11/2021 cháu V có ý kiến *"là muốn được sống chung với cha"* và tại biên bản ngày 06/11/2021 anh K cũng có ý kiến *"nếu cháu V muốn sống cùng anh thì anh đồng ý nuôi dưỡng*". Tại đơn khởi kiện chị L có ý kiến *"Tùy theo nguyện vọng của cháu V muốn sống chung với chị hay anh K thì người đó nuôi dưỡng"* và tại phiên tòa

hôm nay chị L có ý kiến: Cháu V có nguyện vọng muốn sống chung với anh K thì chị đồng ý giao cháu V cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lưu Quốc V cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Trong thời gian anh K nuôi dưỡng cháu V thì chị L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L, anh K xác nhận anh chị không có nên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị L phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232; khoản 2 Điều 227; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 8; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị L với anh Lưu Quốc K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lưu Quốc V, sinh ngày 18/01/2004 cho anh Lưu Quốc K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: 0001759, ngày 24/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (chị L đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thảo

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Thành, ngày 22 tháng 12 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 40 phút, ngày 22 tháng 12 năm 2021

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Ứng Cương.**

Ông **Vũ Văn Hợp.**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 368/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, về việc *"Tranh chấp ly hôn và con chung"* giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị L**, sinh năm 1974.

* Bị đơn: Anh **Lưu Quốc K**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh Thành A, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về áp dụng pháp luật:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232; khoản 2 Điều 227; Điều 273 vàĐiều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 8; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.**

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị L với anh Lưu Quốc K.

*** Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.**

- Về con chung: Giao con chung tên Lưu Quốc V, sinh ngày 18/01/2004 cho anh Lưu Quốc K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

*** Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.**

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

*** Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.**

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: 0001759, ngày 249/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (chị L đã nộp xong).

*** Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.**

- Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

*** Kết quả biểu quyết: 3/3 thống nhất.**

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 00 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thảo